TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-11-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 10-11-2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 30-8-2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-10-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Ph; nơi cư trú: Xóm ĐTr, thôn KNg, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N; nơi cư trú: Xóm ĐTr, thôn KNg, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-8-2023, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Vũ Thị Ph trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 17-11-2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong

tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị và anh N có 03 con chung là Nguyễn Vũ Bảo Ch, sinh ngày 20-4-2008; Nguyễn Vũ M, sinh ngày 21-7-2010 và Nguyễn Vũ M1, sinh ngày 02-9-2016. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ M1; giao cháu Nguyễn Vũ Bảo Ch và Nguyễn Vũ M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thoả thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xin tự thoả thuận với anh N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn N vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án nhưng tại bản tự khai anh N trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị Ph trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị Ph.

Về con chung: Anh và chị Ph có 03 con chung là Nguyễn Vũ Bảo Ch, sinh ngày 20-4-2008; Nguyễn Vũ M, sinh ngày 21-7-2010 và Nguyễn Vũ M1, sinh ngày 02-9-2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vũ Bảo Ch và Nguyễn Vũ M còn giao cháu Nguyễn Vũ M1 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự thoả thuận với chị Ph, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Vũ Thị Ph được ly hôn với anh Nguyễn Văn N; về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ M1,

sinh ngày 02-9-2016 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Nguyễn Vũ Bảo Ch, sinh ngày 20-4-2008 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 21-7-2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị Ph và anh N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Vũ Thị Ph có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N có nơi sinh sống tại xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Ph và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 17-11-2005. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Ph và anh N đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ph xin ly hôn, anh N không đồng ý ly hôn với chị Ph. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh N không lên Toà án để vợ chồng có cơ hội được đoàn tụ. Mặt khác, qua xác M1 tại địa phương xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh N như nội dung chị Ph trình bày là đúng từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Ph xin ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

[4] Về con chung: Chị Ph và anh N đều xác nhận vợ chồng 03 con chung là Nguyễn Vũ Bảo Ch, sinh ngày 20-4-2008; Nguyễn Vũ M, sinh ngày 21-7-2010 và Nguyễn Vũ M1, sinh ngày 02-9-2016. Khi ly hôn, chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Ch và cháu M. Xét thấy, cả 03 con chung của chị Ph và anh N đều đã trên 7 tuổi, cháu M1 có nguyện vọng được ở với chị Ph, cháu Ch và cháu M có nguyện vọng được ở với anh N, chị Ph và anh N đều có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Nguyễn Vũ M1 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Vũ bảo Ch và Nguyễn Vũ M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị Ph và anh N xin tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh N không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ph phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ M1, sinh ngày 02-9-2016.cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Nguyễn Vũ Bảo Ch, sinh ngày 20-4-2008 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 21-7-2010 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ph phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Ph đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0006687 ngày 30-8-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Ph đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ph và anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã VA, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh